SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Light

LOGAN 01

LOGANO1

giày l i **siêu** nh ờ ẹ **và thoáng khí có dây chun**

Giày bảo h ộ lao độ n g LOGAN 01 nhẹ nhàng, thoáng khí.
Thân giày co giãn và dây giày đàn hồi mang lại sự thoải mái cho các
ấn và khả năng hỗ trợ.

Những vật liệu cao cấp hơn i	3D TPU, lướ
ót bên trong ệt may	D
rong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
ngoài Đ	EVA / Cao su
i Loạ	01 / SR, FO, HRO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48
ng lượng t thép	0.315 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2022+A1:2024

4.54 kg



WHT



BLK



ướt (SR) ộn tChống t
ước dây SR (SRA/SRB/SRC) SR có nghĩa là phép thử
ước được thực hiện trên sàn phòng và dà



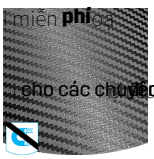
co giãn trên
Chất liệu dệt siêu đàn hồi và co
i mái vải dệt thoải mái hơn.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ c giữ khô lâu hơn.



n X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện.
ện trở giữa 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



miễn phí oạ
cho các chuyến đi dài ngày.

Kim l
Giày an toàn không có kim an
toàn thông thường. Chúng cũng
giày.



T **SJ** BQ
ấm lót chân T chống tĩnh mái có thể tháo rời
vận, dẫn hướng và hấp thụ sốc
gót chân và bàn T thoáng khí và hút ẩm.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
cần , thiết bị v ề y h ọ c , phục vụ ăn uố n g

ường: **Môi** t
rư ờn g **môi** khô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẳng **cách** hàng **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **TBU,** l ư ớ **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng **n**tấm mới h ơ	? 0.8		48.1	ờ	mg/cm/g
	Top: h nụ số h ơ	? 15		384.8		mg/cm2
ót bên trong	ệ t **may** D					
	L ớp **lót:** tấm mới h ơ	? 2		48.1	ờ	mg/cm/g
	lót: h nụ số h ơ	? 20		384.8		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ **EVA / Cao su**					
	Ch ố m ả g t ế ngoài (	? 150		118.6		mm
	Chư ố t r c g t bản - Ceramic + NaLS - Trư ớ t **gót** v ề **phía** t	? 0.31		0.56		ma sát
	r Cột c ố t bằng - G ố m + NaLS - Trư ớ t **lùi** v ề **phía** t	? 0.36		0.58		ma sát
	r Cột SR - G t m + Glycerin - Trư ớ t **gót** phía t	? 0.19		0.20		ma sát
	Chư ố t r SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t v ề **phía** t	? 0.22		0.28		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		33.6		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		19		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân củ	? 20		34		J

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể thay đổi. Safety Jogger là nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh Đ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		2.28		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			4.54 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ ờn g q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		11%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.